



Để đạt tốc độ phát triển kinh tế nhanh, cần nhấn mạnh những ngành nào đem lại ngoại tệ nhanh và nhiều nhất (điểm 1), đồng thời chính sách đồng bộ huy động số ngoại tệ thu được để dùng vào việc nhập tri thức kỹ thuật, máy, phụ tùng và nguyên liệu chưa sản xuất được tại VN (điểm 2). Mấy năm qua, chúng ta đã làm khá tốt về điểm (1), khi tập trung đầu tư cho ngành du lịch, nhưng chưa làm tốt điểm (2).

VN vay tiền. Các biện pháp trên - mà nguồn gốc chính có nguồn từ điểm đột phá Luật đầu tư 1987, đã làm tăng vọt số du khách và Việt kiều đến VN, số tiền Việt kiều chuyển về nước hàng năm và số tiền du khách chi tại VN ngày càng nhiều hơn.

1.3 Thước đo lường sự thành công hay thất bại của chiến lược đầu tư là sự đáp ứng của những người đầu tư, gồm có đầu tư ngoại quốc và đầu tư tư nhân Việt Nam. Tính đến tháng 8.1993, trong số 625 dự án đầu tư đã và đang triển khai, tổng số vốn pháp định là 5,8 tỷ thì trong đó ngành du lịch và

2.1 Tuy rằng tập trung đầu tư, phát triển nhanh du lịch có một số lợi điểm đã nêu trong phần I, song ngành du lịch chỉ là một ngành dịch vụ nhằm vào việc tăng tiêu dùng chứ không trực tiếp tăng sản xuất. Du lịch chỉ chuyển hoá thành ngành tài trợ đầu tư khi đồng USD thu được dùng vào việc mua máy, bằng sáng chế v.v... Nếu không làm như thế, thì vấn đề nghèo khổ, đầu tư ít, phát triển chậm vẫn không được giải quyết.

Do đó, chiến lược phát triển VN là: đầu tư cho ngành du lịch để thu nhanh và nhiều ngoại tệ, và dùng

DU LỊCH VIỆT NAM VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHANH

LÊ KHOA

Tiến sĩ kinh tế

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH

1.1. Ưu tiên phát triển: Vì lẽ ngành này phù hợp với xu thế khi đời sống khá lên thì con người càng muốn đi du lịch nhiều hơn, trong nền kinh tế hậu công nghiệp của các nước phát triển ngày nay, du lịch là ngành phát triển nhanh nhất, tạo ra nhiều việc làm nhất trong 15 năm qua. Khi hội nhập kinh tế VN vào kinh tế thế giới, VN có thể thu hút hàng triệu, hàng chục triệu du khách/năm và xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ tại chỗ, làm nhanh và nhiều ngoại tệ hơn đầu tư vào các ngành khác. Đầu tư cho ngành du lịch chủ yếu thực hiện bằng tiền VN trong khi số thu chủ yếu là ngoại tệ, như vậy các dự án đầu tư cho ngành du lịch vừa có tính khả thi cao (dự án đầu tư bằng tiền Việt để thực hiện hơn dự án đầu tư với tiền ngoại), vừa giải quyết điểm chính của kinh tế các nước muốn phát triển nhanh là thiếu ngoại tệ để nhập máy, tri thức kỹ thuật, tăng đầu tư.

1.2. Các điểm đột phá: Luật đầu tư ban hành năm 1987, chính sách hoà bình, thân hữu với khắp các nước trên thế giới, đã có hàng ngàn phái đoàn ngoại quốc đến VN để tìm cơ hội kinh doanh, năm 1992 trong số 100.000 du khách có 20.000 người đến với mục tiêu trên, trong số có cả nhiều phái đoàn Mỹ... Tuy lệnh cấm vận vẫn còn, nhưng chính phủ Mỹ đã cho phép kiều dân VN chuyển tiền về VN, về thăm quê hương, các công ty Mỹ được phép mở văn phòng tại VN và ký các giao kèo với VN sẽ có giá trị thi hành thì lệnh cấm vận được bãi bỏ. Trong khi chờ đợi, Tổng thống Mỹ không phản đối việc các cơ quan quốc tế cho

dịch vụ khác chiếm khoảng 1,5 tỷ, như vậy khoảng 1/4 vốn đầu tư ngoại quốc đã tập trung cho ngành du lịch, sức hút đối với đầu tư ngoại quốc chỉ thua so với ngành dầu khí. Đối với vốn tư nhân VN, không có tài liệu tương đối chính xác như so với đầu tư ngoại quốc, nhưng mọi người đều biết trong các năm qua ngành xây cất phát triển khá, trong đó một số vốn đáng kể đã tập trung cho các nhà hàng và khách sạn.

Kết quả là trong năm 1992, thu nhập quốc dân bình quân đầu người cả nước là 233,8 USD, cá biệt Long An đạt 311,39 USD, Đồng Nai 407,86 USD, TPHCM 597,92 USD, Bà Rịa Vũng Tàu đạt 973 USD, nếu tách rời Bà Rịa với Vũng Tàu thì Vũng Tàu đạt trên 1000 USD. Vũng Tàu sống chủ yếu về du lịch, trong ngành này ít người khai báo số doanh thu thật, trên thực tế, thu nhập quốc dân bình quân đầu người tại Vũng Tàu có thể trên 1000 USD. Vậy, du lịch đã chứng tỏ có khả năng làm tăng nhanh thu nhập quốc dân bình quân đầu người ở các thành phố có tiềm năng về du lịch, như Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Lạt v.v...

1.4-Bên cạnh những điểm tốt nêu trên: còn có một số vấn đề ta làm chưa tốt, như đầu tư cho hạ tầng cơ sở còn quá ít, điện tại miền Nam vẫn còn thiếu, chưa có một chính sách tích cực hơn bảo vệ môi trường, việc quảng cáo và giới thiệu các danh lam thắng cảnh tại Việt Nam, giá sinh hoạt rẻ tại VN (nếu tính bằng USD và so với giá tương ứng tại các nước phát triển khác) với du khách ngoại quốc còn nhiều thiếu sót, ngân hàng chưa mua ngoại tệ của du khách với giá cao.

II. SỬ DỤNG NGOẠI TỆ CỦA DU LỊCH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

những ngoại tệ này để tài trợ cho công nghiệp sắt thép, cơ khí, điện, hoá dầu, lọc dầu VN.

2.2. Có thể nói rằng mục tiêu "thu nhiều ngoại tệ của nước ta trong những năm qua" đã đạt kết quả đáng kể. Theo một tài liệu thống kê hữu quyền, số khai báo ngoại tệ tại phi trường Tân Sơn Nhất năm 1992 là 500 triệu USD. Ai cũng rõ là số khai báo trên chỉ là một phần của số ngoại tệ thực nhập vào Tân Sơn Nhất. Ước lượng số ngoại tệ trong 3 năm 1990-92 do ngành du lịch mang lại trong và ngoài quốc doanh khoảng 1 tỷ USD. Số tiền kiều bào gửi về nước hàng năm từ 800 triệu đến 1,5 tỷ USD. Số xuất khẩu VN năm 1993 có thể trên 2,5 tỷ USD. Đầu tư ngoại quốc có thể lên tới trên 1 tỷ/năm và các tổ chức tài chính quốc tế cho biết VN sẽ được vay trên 1 tỷ USD trong những năm tới.

2.3. Như vậy, xuất hiện khả năng dùng ngoại tệ từ nhiều nguồn, trong đó có nguồn ngoại tệ quan trọng của ngành du lịch, để đóng góp vào việc xây dựng các dự án cho Khu Vực I của nền kinh tế VN. Các dự án này được đề cập nhiều lần, như cảng sâu Vũng Tàu (khoảng 700 tr USD), một nhà máy lọc dầu (trên 1 tỷ USD), cầu Mỹ Thuận (60 triệu USD), dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ về TPHCM, lập nhà máy phát điện với khí đồng hành, nhà máy urê, nâng cao công suất các nhà máy thép miền Nam và miền Bắc, sản xuất phụ tùng xe hơi, Honda và máy vi tính sau khi đã có xưởng lắp ráp v.v...

Chuyển tiền ngoại tệ bội thu (trong số, có phần đóng góp của ngành du lịch) thành tiền đầu tư cho Khu vực I là một trong những vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay của kinh tế VN.